TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **36**/2022/DS-ST
Ngày: 15-7-2022
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường;

2. Ông Trần Văn Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST- DS, ngày 12/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-DS ngày 24/6/2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường Z, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện ở tại: số 104B đường LVT, khu phố DC, phường TDH, thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị Hồng H**, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Số 15 đường 13, thôn 3, xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 5/5/2022, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N từ tỉnh Hà Tĩnh vào tỉnh Bình Dương làm công nhân. Năm 2017 bà N và bà Phạm Thị Hồng H cùng làm công nhân tại Công ty TNHH FECHENG, nên quen biết nhau. Lúc này bà H làm tổ trưởng và có hỏi vay tiền của bà N 03 lần, cụ thể: Lần đầu vào ngày 22/8/2017 vay 20.000.000 đồng , thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, nhưng bà H có tháng trả, có tháng không. Ngày 12/9/2017 bà H vay số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 13/11/2017 vay tiếp 5.000.000 đồng và lần cuối cùng vay 26/2/2018 vay 8.000.000 đồng cũng thỏa thuận miệng lãi suất 1,5%/tháng, nhưng không ghi vào giấy nợ. Sau khi vay tiền vào ngày 26/2/2018, thì bà H bỏ trốn, bà N không biết tin tức gì về bà H. Đồng thời, thời gian này bà N bị tai nạn giao thông không đi lại được. Đến năm 2021, qua tìm hiểu từ những người quen của bà H, bà N biết được nhà bà H ở huyện Đức Linh. Khi bà N tìm đến gặp bà H để đòi nợ, ngày 17/12/2021 bà H viết giấy cam kết sẽ trả dần nợ cho bà N mỗi tháng 1.000.000 đồng, đến ngày 10/4/2022 trả đủ tiền, với tổng tiền gốc 38.000.000 đồng, tiền lãi 1,5%/tháng; nhưng nguyên 01 năm qua bà H không trả nợ gì cho bà N. Nay bà N yêu cầu bà H trả nợ gốc 38.000.000 đồng, tiền lãi 1,5%/tháng, kể từ ngày 26/2/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra: 01 “Giấy vay tiền” có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là Phạm Thị Hồng H, về nội dung của giấy mượn tiền: thể hiện bà H có vay của bà N số tiền là 30.000.000 đồng; 01 giấy cam kết ngày 17/12/2021, thể hiện người vay là bà H, số tiền vay 38.000.000 đồng, tính lãi 1,5%/tháng, kể từ ngày 26/2/2018 và thời hạn trả xong nợ là ngày 10/4/2022.

-Tại phiên tòa bà Phạm Thị Hồng H trình bày: Trước đây khi vào Bình Dương làm công nhân, nên tôi có vay tiền của bà N, về số tiền gốc cụ thể tôi không nhớ chính xác. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, tôi có trả lãi được một thời gian. Cách đây 3- 4 năm tôi về lại Đức Linh, nhưng không báo cho bà N biết.

Sau đó bà N tìm ra nhà tôi ở Tân Hà. Tôi có viết giấy cam kết trả nợ. Tuy nhiên hiện tôi khó khăn, nên xin trả tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Các giao dịch thực hiện từ năm 2018, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bà Phạm Thị Hồng H trả tiền vay 38.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng kể từ ngày 26/2/2018 đến khi trả xong nợ gốc là hoàn toàn phù hợp Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và có lợi cho bị đơn. Vì bà N có đưa ra chứng cứ Giấy vay tiền và Giấy cam kết, thể hiện việc H vay tiền của bà N số tiền gốc 38.000.000 đồng, có cam kết về mức lãi phải trả là 1,5%/tháng, thời hạn phải trả xong nợ gốc là ngày 10/4/2022. Nhưng giấy này Tòa án cho bà H xem tại phiên tòa, bà H thừa nhận và không có ý kiến gì.

[4] Về lãi suất: Trong giấy cam kết ngày 17/12/2021, bà H cam kết trả lãi 1,5%/tháng, tính từ ngày 26/2/2018 và cam kết thanh toán xong nợ gốc ngày 10/4/2022. Nay bà N yêu cầu bà H tính lãi 1,5%/tháng kể từ ngày 26/2/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc là phù hợp pháp luật và có lợi cho bà H, nên chấp nhận. Từ ngày 26/2/2018 đến ngày 15/7/2022 tính mức lãi là 1,5%/tháng, với số tiền lãi là:

38.000.000 đồng x 1,5% x ($52 + {}^{19}/_{30}$) = 30.001.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Phạm Thị Hồng H phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 68.001.000 đồng, gồm tiền gốc 38.000.000 đồng và tiền lãi 30.001.000 đồng (tính từ ngày 26/2/2018 đến ngày xét xử 15/7/2022, với mức lãi 1,5%/tháng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Phạm Thị Hồng H còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng H phải chịu 3.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 1.532.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009408 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 15/7/2022, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

***Nơi nhận*:**
VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái